

**ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN
VÀ DOANH NGHIỆP TỈNH
BAN TUYÊN GIÁO**

*

Số 12-CV/BTG.ĐUK

*Về việc gửi đề cương tuyên truyền
kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng miền Nam
thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2020)*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trà Vinh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: - Cấp ủy các chi bộ, đảng bộ cơ sở,
- Đoàn Khối các cơ quan và doanh nghiệp,
- Hội Cựu Chiến binh Khối các cơ quan và doanh nghiệp,

Thực hiện Công văn số 1534-CV/BTGTU, ngày 17/4/2020 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh đề nghị cấp ủy các chi bộ, đảng bộ cơ sở, Đoàn Khối, Hội Cựu chiến binh Khối tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về ý nghĩa lịch sử nhân kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2020).

(Gửi kèm Đề cương tuyên truyền do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn).

Rất mong được sự quan tâm của các đồng chí.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (*báo cáo*),
- Các đồng chí BTV Đảng ủy Khối,
- Như kính gửi,
- Lưu BTG.ĐUK.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hữu Nghĩa

**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 45 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975-30/4/2020)**

(kèm theo Công văn số 12-CV/BTG.ĐUK, ngày 17/4/2020
của Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối).

Tài liệu do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn

Sự kiện 30/4/1975 có ý nghĩa quan trọng đối với lịch sử Việt Nam và lịch sử tỉnh Trà Vinh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ, quân, dân tỉnh Trà Vinh đã đoàn kết, chiến đấu dũng cảm, kiên cường, góp phần cùng với quân dân miền Nam và cả nước lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam: chiến tranh đơn phương (1954-1960), chiến tranh đặc biệt (1961-1965), chiến tranh cục bộ (1965-1968), Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1972), tiến tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng Trà Vinh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cùng với cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến hành sự nghiệp đổi mới, thu được được nhiều thành tựu quan trọng.

I. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC GIÀNH THẮNG LỢI, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

1. Bối cảnh lịch sử

Trên thế giới, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ có tiềm lực rất mạnh, nổi lên cầm đầu phe đế quốc, hiếu chiến và âm mưu bá chủ thế giới, từng bước khẳng định sự có mặt ở Đông Dương. Sau thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Lúc này trên thế giới đã phân chia thành hai hệ thống đối đầu gay gắt bằng cuộc “chiến tranh lạnh” và chạy đua vũ trang quyết liệt. Hệ thống chủ nghĩa xã hội (XHCHN), phong trào công nhân ở các nước tư bản, phong trào giải phóng dân tộc ở khắp nơi trên thế giới dâng cao.

Trong nước, sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam vẫn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc ta.

Sau khi ký Hiệp định Pari, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng ngụy quân, ngụy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tăng cường tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho ngụy lẫn đất, giành dân, khống chế nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng

miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Pari của địch ngày càng tăng. Chúng điên cuồng đánh phá hòng xoá bỏ vùng giải phóng của ta, đẩy lùi lực lượng cách mạng.

Tháng 7/1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Nửa cuối năm 1974, cuộc chiến tranh của quân và dân ta ở miền Nam chống lại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" đã giành được thắng lợi. Ta ngày càng mạnh lên, nguy ngày càng suy yếu rõ rệt. Nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ. Tháng 7/1974, Đảng ta chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nếu thời cơ đến sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thắng lợi toàn miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân nguy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó quay lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

Đầu năm 1975, Đảng ta quyết định mở cuộc Tổng tiến công chiến lược để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước bằng 3 đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên; Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 bắt đầu từ ngày 4/3/1975, mở đầu bằng trận đánh đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên. Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định kết thúc vào ngày 30/4. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo về chính trị và quân sự, quân và dân ta đã giành được toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

2. Diễn biến cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975

Ngày 04/3/1975, ta nổ súng tấn công một số mục tiêu ở Pleiku để nghi binh, tạo thế chiến dịch Tây Nguyên.

Rạng sáng 10/3/1975 quân ta tiến đánh Buôn Ma Thuột, mở cửa đột phá của cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1975, giành thắng lợi trên chiến trường Tây Nguyên.

Ngày 21/3/1975, chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng bắt đầu, thành phố Huế được giải phóng ngày 26/3/1975. Sau khi giải phóng Huế, quân ta tiếp tục tiến công địch và đến ngày 29/3/1975, ta giải phóng hoàn toàn Đà Nẵng. Đến ngày 3/4/1975, ta đã quét sạch quân địch và giải phóng toàn bộ đồng bằng ven biển miền Trung.

Ngày 26/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử bắt đầu, với 5 cánh quân đồng loạt tiến công vào cơ quan đầu não, xào huyệt cuối cùng của địch, giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Lúc 10 giờ 45 phút ngày 30/4, xe tăng ta húc đổ cánh cổng Dinh Độc lập, bắt sống toàn bộ Ngụy quyền Sài Gòn. Tổng thống ngụy Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Vào lúc 11 giờ 30 phút, lá cờ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc Phủ Tổng thống Ngụy.

Trong thời khắc lịch sử của chiến dịch Hồ Chí Minh, tất cả tài lực, vật lực cả nước đã dồn toàn lực cho cách mạng miền Nam, đồng bào và chiến sĩ các tỉnh Nam bộ đã, trong đó có nhân dân các tỉnh Trà Vinh đã cùng nhau đoàn kết dưới ngọn cờ Đảng quang vinh và Bác Hồ vĩ đại, dũng cảm, không ngại hy sinh, nhất tề vùng lên “lấy sức ta mà giải phóng cho ta” đồng loạt tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, lần lượt giải phóng các tỉnh còn lại, riêng tỉnh Trà Vinh giải phóng cùng lúc với Sài Gòn.

3. Trà Vinh chủ động Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn tỉnh Trà Vinh

Quân và dân tỉnh Trà Vinh dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Trà Vinh đã đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, kiên cường với địch, vừa đánh địch vừa xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng theo phương châm “*hai chân ba mũi*”, “*một tác không đi, một li không rời*”, “*Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch*”, mỗi xã, ấp thành một chiến trường, mỗi người dân yêu nước là một chiến sĩ tạo thành cuộc chiến tranh Nhân dân, toàn dân, toàn diện, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và binh vận đã tạo nên sức mạnh tổng hợp tiến công địch giành thắng lợi trong các giai đoạn đấu tranh chống xâm lược. Trong đó, chiến thắng mùa xuân năm 1975 là mốc son chói lọi trong lịch sử đấu tranh cách mạng của tỉnh Trà Vinh:

- Đầu năm 1975, cục diện toàn chiến trường diễn ra nhanh chóng có lợi cho ta. Quán triệt sự chỉ đạo sâu sắc của cấp trên, nắm lấy thời cơ, tháng 3/1975 Tỉnh ủy Trà Vinh đã chủ động đề ra phương án bố trí lực lượng trong tỉnh và đề nghị cấp trên cho Trà Vinh tiến công đánh chiếm, giải phóng thị xã Trà Vinh. Đề xuất táo bạo này được Khu ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 9 chấp thuận. Tỉnh ủy chỉ đạo toàn quân, toàn dân trong tỉnh giữ vững thế tiến công, vừa khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để tổ chức lực lượng và hoàn chỉnh phương án Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa trên địa bàn tỉnh.

- Đến giữa tháng 4/1975 phương án Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa đánh chiếm giải phóng tỉnh lỵ Trà Vinh được chuẩn bị kỹ. Phương án Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa khẳng định quyết tâm chung cho toàn tỉnh là tập trung dồn nỗ lực cao nhất để dứt điểm giải phóng thị xã Trà Vinh trong ngày 30/4/1975. Đồng thời, ở các địa phương trên toàn tỉnh thực hiện phương châm huyện tự giải phóng huyện, xã tự giải phóng xã; nơi có tiểu đoàn bảo an địch cấm chốt thì phải phát động quần chúng và sự sôi bao vây bức hàng, không để cho lực lượng này chi viện

tỉnh lỵ; các đơn vị được bố trí dọc theo lộ 7 phải cắt đứt giao thông trên tuyến lộ, chặn đường chi viện của địch.

- Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, với phương châm “xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện”, đảng bộ, quân dân tỉnh Trà Vinh đã vươn cao ngọn cờ tiến công quyết thắng, quyết tâm giải phóng Trà Vinh. Đúng theo kế hoạch, đêm 28/4/1975 ở các huyện, lực lượng địa phương đồng loạt tấn công vào các chi khu và phân chi khu, đồng thời cắt tuyến giao thông liên lạc của địch, kim chân, căng kéo địch và giữ thế bất ngờ khi ta tấn công vào trung tâm tỉnh lỵ. Tại địa bàn 2 huyện Cầu Ngang và Càng Long quân ta đã chọc thủng phòng tuyến địch, tiến đánh chiếm các vùng ven áp sát quận lỵ; lực lượng huyện Duyên Hải đánh thọc sâu vào chi khu... Ngày 29/4, ta tấn công vào đầu não của ngụy quân, ngụy quyền tại huyện lỵ và chiếm lĩnh một số vị trí quan trọng.

Đúng 0 giờ ngày 30/4/1975, ta phát hỏa tấn công mục tiêu then chốt trận địa pháo của địch ở sân bay, mở đầu tấn công đánh chiếm tỉnh lỵ Trà Vinh, tiếp sau các mũi tấn công từ nhiều hướng đánh sâu vào nội ô tỉnh lỵ, hướng chủ yếu lực lượng vũ trang của ta tiến gần Dinh Tỉnh trưởng của địch (200m). Trong đêm 30/4/1975 ta đã chiếm lĩnh một số vị trí nội ô tỉnh lỵ, diệt và bức rút 25 đồn, bót và lô cốt địch. Đến 5 giờ sáng ngày 30/4 ta làm chủ đại bộ phận vùng ven tỉnh lỵ. Sáng ngày 30/4/1975, với sự phối hợp đồng loạt tiến công của lực lượng vũ trang cùng lực lượng chính trị và binh vận huy động lực lượng quần chúng xuống đường làm tan rã quân địch, buộc Tỉnh trưởng viết lời đầu hàng. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975 lá cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trước Tòa hành chính và Dinh Tỉnh trưởng. Trong ngày 30/4/1975 ta chiếm lĩnh tất cả các chi khu và các phân chi khu trên toàn tỉnh. Tỉnh lỵ Trà Vinh được giải phóng cùng lúc với giải phóng Sài Gòn, cùng cả nước làm nên đại thắng mùa Xuân 1975.

4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

4.1- Ý nghĩa lịch sử

- *Đối với Việt Nam:* Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy ngàn năm của dân tộc. Nhân dân ta đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa Tổ quốc ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do và CNXH.

- *Đối với thế giới:* Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập

dân tộc, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc; mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

4.2- Nguyên nhân thắng lợi

Nguyên nhân thứ nhất: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Nguyên nhân thứ hai: Nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân đã phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, bền bỉ, lao động quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH và vì quyền con người.

Nguyên nhân thứ ba: Cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, trên dưới một lòng, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Nguyên nhân thứ tư: Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Nguyên nhân thứ năm: Đoàn kết, liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; đoàn kết quốc tế.

4.3- Bài học kinh nghiệm

Bài học thứ nhất: Xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam.

Bài học thứ hai: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Bài học thứ ba: Vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Bài học thứ tư: Chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định.

Bài học thứ năm: Phải luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng

5. Ý nghĩa, bài học kinh nghiệm lịch sử từ thực tiễn cách mạng ở Trà Vinh

5.1. Ý nghĩa

Thắng lợi của Nhân dân Trà Vinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mà đỉnh cao là chiến thắng 30/4/1975, giải phóng Trà Vinh, giải phóng đất nước là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh anh dũng, bất khuất, không ngại hy sinh, gian khổ, thể hiện tinh thần đoàn kết các dân tộc, đoàn kết quân dân tỉnh Trà Vinh. Đồng thời, thể hiện tinh thần sáng tạo, ý chí tự lực tự cường và khát vọng độc lập, tự do, hòa bình

dân tộc của Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của Nhân dân Trà Vinh một lần nữa khẳng định trí tuệ, năng lực cách mạng và sức mạnh to lớn của khối đoàn kết các dân tộc ở Trà Vinh; khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân tố quyết định hàng đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

5.2. Bài học kinh nghiệm

Bài học thứ nhất: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh truyền thống đoàn kết Kinh - Khmer - Hoa được củng cố và phát huy trong đấu tranh giải phóng dân tộc. Tỉnh ủy Trà Vinh giữ vai trò hạt nhân đoàn kết, trước hết là sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng bộ, từ đó làm cơ sở để xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân. Tinh thần đoàn kết ấy đã góp phần xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, để lãnh đạo Nhân dân đoàn kết, đấu tranh giành thắng lợi, được Đảng và Nhà nước khen tặng Huân chương Thành đồng hạng Nhất và lá cờ vẻ vang với tám chữ vàng "*Toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công*".

Bài học thứ hai: Tinh thần và ý chí tự lực, tự cường luôn được phát huy mạnh mẽ cùng với tính năng động, sáng tạo, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, chủ động tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi. Tỉnh ủy Trà Vinh đã lãnh đạo đảng bộ và đồng bào các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống tự lực tự cường, xây dựng và phát triển lực lượng tại chỗ để đảm bảo đánh thắng quân địch. Trong tấn công đánh địch, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh luôn năng động, sáng tạo trong việc vận dụng có hiệu quả biện pháp đấu tranh bằng bạo lực cách mạng kết hợp chặt chẽ với chính trị của quần chúng, triển khai thực hiện nhuần nhuyễn ba mũi giáp công, đánh địch ở khắp mọi nơi và giành thắng lợi vẻ vang.

Bài học thứ ba: Làm tốt công tác vận động quần chúng. Biết tin vào dân, bám sát dân để xây dựng thế trận "lòng dân" vững chắc, thường xuyên củng cố khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương-giáo, để tạo nên sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh giành thắng lợi của cuộc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa mùa xuân năm 1975.

Bài học thứ tư: Kiên cường bám trụ và giữ vững tư tưởng tiến công là bí quyết đặc biệt quan trọng để đứng vững và chiến thắng. Bám trụ để củng cố và phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ, bảo vệ Nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng; tiến công để mở rộng vùng giải phóng, thu hẹp sự chiếm đóng của quân xâm lược, tạo điều kiện cho tổng tiến công giành thắng lợi hoàn toàn.

III. TRÀ VINH TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Giai đoạn từ sau giải phóng miền Nam 30/4/1975 đến trước khi tái lập tỉnh tháng 5/1992

Sau khi đất nước thống nhất, do yêu cầu phát triển chung, năm 1976 Trung ương quyết định sáp nhập 2 tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long đổi tên thành tỉnh Cửu Long. Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Cửu Long vừa nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh; bảo vệ chính quyền, đập tan âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, cùng cả nước chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, đồng thời chi viện nguồn nhân lực, vật lực làm nghĩa vụ quốc tế giúp nước bạn Campuchia. Tập trung tổ chức lại và mở rộng sản xuất, chăn nuôi, xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; củng cố, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, cải thiện đời sống Nhân dân. Qua 15 năm xây dựng và phát triển, tình hình kinh tế có những bước phát triển tích cực, sản lượng lương thực từ 646.000 tấn năm 1976 lên 1.200.000 tấn năm 1990, tăng lên gấp hai lần; công nghiệp chế biến thủy sản, xay xát lương thực, đóng tàu có sự phát triển đáng kể, cơ cấu kinh tế, việc phân công lao động, khai thác đất đai, ngành nghề, sản phẩm làm ra từng bước phù hợp với nền kinh tế hàng hóa ... Quá trình phát triển kinh tế trong thời kỳ này làm cho xã hội có nhiều chuyển biến: các hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình, văn hóa - văn nghệ được đầu tư chiều sâu; Công tác giáo dục - đào tạo chăm sóc sức khỏe Nhân dân, công tác đền ơn đáp nghĩa có sự chuyển biến tích cực; hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2. Giai đoạn từ khi tái lập tỉnh năm 1992 đến nay

Khi mới tái lập tỉnh, Trà Vinh còn nhiều khó khăn về nhiều mặt, nhưng với ý chí tự lực, tự cường, tinh thần chủ động, sáng tạo cùng với sự chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, của các tỉnh, thành bạn, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã đoàn kết, vượt qua khó khăn, thách thức, đưa kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước phát triển, đời sống Nhân dân ngày càng được nâng cao. Qua 28 năm xây dựng và phát triển tỉnh Trà Vinh đã đạt được những thành tựu quan trọng.

- Kinh tế tăng trưởng, quy mô nền kinh tế được mở rộng

Giá trị tổng sản phẩm nội địa (GRDP) tăng bình quân hàng năm trên 11% (giai đoạn 1996 - 2000 tăng 8,87%; giai đoạn 2000 - 2010 tăng 11,64% và giai đoạn 2010 - 2015 tăng 11,53%). Năm 2019, tốc độ tăng trưởng GRDP tăng 14,85%, trong đó khu vực I tăng 2,58%, khu vực II tăng 34,37%, khu vực III tăng 6,94%. Thu nhập bình quân đầu người năm 1992 khoảng 730.000 đồng/người/năm, năm 2019 là 59,09 triệu đồng/người/năm.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng: tỷ trọng giá trị nông-lâm

nghiệp - thủy sản từ 77,91% năm 1992 giảm còn 31,74% năm 2019, công nghiệp-xây dựng từ 8,49% năm 1992 tăng lên 32,45% năm 2019, dịch vụ từ 13,6% tăng lên 35,81% năm 2019.

- **Nông nghiệp và nông thôn mới:** Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, năng suất, sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông - thủy sản ngày càng được nâng cao; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chủ lực tập trung theo quy hoạch; xây dựng được các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với thị trường; khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi trong sản xuất; cơ giới hóa, tự động hóa được đưa nhanh vào các khâu sản xuất, bảo quản, chế biến. Giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp năm 2019 đạt 28.157 tỉ đồng, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Tập trung huy động các nguồn lực xã hội và vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh có 57 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới (chiếm 67,1%); 05 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, chiếm 5,9%; 23 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, chiếm 27%; không còn xã dưới 10 tiêu chí; có 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (Tiểu Cần, Cầu Kè); thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2019 đạt 38.584 tỷ đồng, nhiều dự án năng lượng tái tạo được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động; phát triển lưới điện phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân, tỷ lệ hộ sử dụng điện đến cuối năm ước đạt 98,95% (năm 1992 có 8% hộ dân sử dụng điện). Hiện toàn tỉnh có 362 dự án còn hiệu lực, trong đó 41 dự án đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký 3,1 tỷ USD, (dự án nhiệt điện 2 chiếm 2,41 tỷ USD) và 321 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký hơn 106.790 tỷ đồng.

- **Thương mại - dịch vụ:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 1992 đạt 702 tỷ đồng, năm 2019 tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 34.234 tỷ đồng. Trên địa bàn tỉnh hiện có 07 siêu thị và 01 Trung tâm mua sắm; 23 Cửa hàng tiện ích (13 Cửa hàng Bách hóa Xanh; 10 Cửa hàng Vinmart+); 08 máy bán hàng tự động đi vào hoạt động....Hàng hóa cung ứng trên thị trường đa dạng và phong phú, mạng lưới phân phối, kinh doanh được mở rộng và phủ khắp đến các vùng nông thôn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân.

Kết cấu hạ tầng giao thông trong tỉnh có bước phát triển, góp phần phát triển kinh tế-xã hội: hiện có 04 tuyến Quốc lộ 53, 54, 60 và 53B, tổng chiều dài 283km; 05 tuyến giao thông tỉnh với tổng chiều dài 228,78km, trong đó có 178,87km đường láng nhựa; hệ thống giao thông huyện, giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng với tổng chiều dài trên 6.000km, trong đó gần 2.000km là đường nhựa và bê tông nhựa, trên 1.000km là đường bê tông xi măng, đảm bảo yêu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân.

Mạng lưới bưu chính, viễn thông được các doanh nghiệp quan tâm đầu tư, phát triển và mở rộng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, các xã đảo, đảm bảo thông tin,

liên lạc thông suốt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 06 doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động gồm: Viễn thông Trà Vinh, Viettel Trà Vinh, MobiFone Trà Vinh, FPT chi nhánh Trà Vinh, Vietnamobile và Gmobile; 02 doanh nghiệp và 11 chi nhánh cung cấp dịch vụ bưu chính. 100% xã, phường, thị trấn được xây dựng mạng truyền dẫn cáp quang; 100% ấp, khóm được cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng cố định, dịch vụ điện thoại cố định, di động; 100% khu vực trung tâm huyện, thị xã, thành phố được cung cấp dịch vụ 3G, 4G; mạng lưới bưu chính được xây dựng, phát triển đến 100% xã, phường, thị trấn, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông cho các tổ chức, cá nhân trong tỉnh.

Hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng thực hiện có hiệu quả chính sách tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng nhất là các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên.

Dịch vụ du lịch có sự chuyển biến tích cực, triển khai đầu tư xây dựng một số khu, điểm du lịch có tiềm năng, lợi thế như: Khu du lịch biển Ba Động, Khu tưởng niệm nữ Anh hùng Nguyễn Thị Út, Làng văn hóa - du lịch Khmer Trà Vinh, Khu du lịch cộng đồng Cồn Chim. Công tác xây dựng sản phẩm, điểm nhấn du lịch tại một số khu điểm du lịch trọng điểm được quan tâm đầu tư xây dựng, công tác xã hội hóa đầu tư du lịch được triển khai thực hiện tốt, các loại hình du lịch được hình thành như: du lịch cộng đồng Cồn Chim huyện Châu Thành, du lịch văn hóa - sinh thái miệt vườn tại huyện Cầu Kè- Trà Cú, các homestay, chất lượng các dịch vụ du lịch ngày càng đáp ứng nhu cầu của du khách. Khách du lịch trong và ngoài nước hàng năm tăng, năm 2019 đạt trên 654.000 khách nội địa và gần 29.000 khách quốc tế.

- *Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:* Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội hàng năm đều tăng, năm 2019 đạt 24.304 tỷ đồng. Các công trình đã đầu tư phát huy tác dụng tốt, tạo thêm năng lực sản xuất mới và tăng đáng kể kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng, nhiều công trình trọng điểm đã hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội như: Thông luồng kỹ thuật Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu, cảng nhập than; triển khai xây dựng Bến cảng tổng hợp Định An; hạ tầng thủy lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu ngăn mặn và nguồn nước tưới tiêu khoảng 90% diện tích đất nông nghiệp; điện, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) phát triển khá, bảo đảm nhu cầu điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt trên 99%.

- Các hoạt động hỗ trợ hợp tác xã được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, Toàn tỉnh hiện có 167 HTX đang hoạt động; trong đó có 119 HTX nông nghiệp, 32 HTX phi nông nghiệp và 16 QTD ND, thu hút 28.181 thành viên tham gia, tổng vốn điều lệ 162,950 tỷ đồng, giải quyết 1.631 lao động.

- *Công tác đối ngoại:* Tích cực, chủ động mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với các tỉnh, thành trong và ngoài nước, tăng cường tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, về tiềm năng, thế mạnh, về con người, văn hóa các dân tộc ở Trà Vinh để Nhân dân trong và ngoài nước biết đến Trà Vinh. Qua đó huy động được nhiều dự án đầu tư ODA, FDI... từ các nước như Canada, Nhật bản, Hàn Quốc..., các tổ chức IMF, các NGO và các nhà đầu tư từ các tỉnh, thành đến đăng ký kinh doanh và đầu tư trên địa bàn.

- *Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ:*

+ *Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, Khoa học công nghệ phát triển khá:* Năm 1992 không có trường đạt chuẩn, đến nay hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; có 73/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học phổ thông. Đến đầu năm học 2019-2020, toàn tỉnh có 448 trường, với 6.914 lớp và 209.737 học sinh; tỷ lệ trẻ em đi học trong độ tuổi bậc Tiểu học đạt 99,9%, bậc Trung học cơ sở đạt 98,61%, Trung học phổ thông đạt 73%. Chất lượng giáo dục và đào tạo không ngừng được nâng lên; đội ngũ giáo viên được bổ sung về số lượng và nâng dần về trình độ. Trường, lớp được quan tâm đầu tư, 85% phòng học được kiên cố; 123 trường đạt chuẩn quốc gia. Xã hội hóa giáo dục phát triển, toàn tỉnh hiện có 12 trường giáo dục ngoài công lập (có 2 trường quốc tế là Ischool và Việt - Anh); công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng gia đình học tập được thực hiện tích cực. Hiện tỉnh có 01 trường Đại học, 02 trường Cao đẳng. Trường Đại học Trà Vinh đào tạo 33 ngành bậc sau đại học, 58 ngành bậc đại học và 25 ngành bậc cao đẳng; thu hút trên 20.000 sinh viên theo học hàng năm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao, phục vụ cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Trà Vinh và các tỉnh trong khu vực. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý phát triển khá, hiện toàn tỉnh có trên 20.000 người có trình độ từ đại học trở lên, trong đó có gần 1.450 người có trình độ sau đại học ở hầu hết các lĩnh vực, trong đó nữ, trẻ, là người dân tộc ngày càng tăng (*năm 1992 không có tiến sĩ, thạc sĩ; cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng là 1.823 người*). Nhiều đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học - công nghệ được triển khai, phục vụ công tác quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ứng dụng trong các lĩnh vực sản xuất, đời sống của Nhân dân.

+ *Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí, phát thanh - truyền hình, thể dục, thể thao phát triển:* Hoạt động văn hóa, văn học - nghệ thuật, thông tin, báo chí bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, kịp thời thông tin tình hình đất nước, của tỉnh, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, gương người tốt, việc tốt... đồng thời, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân.

+ Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, Đến nay, toàn tỉnh có 243.299/270.173 hộ gia đình văn hóa; 790 ấp-khóm văn hóa; 50 xã văn hóa nông thôn mới; 08 phường, thị trấn văn minh; 983/1.261 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa. Công tác bảo tồn văn hóa tiếp tục được quan tâm (công nhận mới 01 di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia và 02 di tích cấp tỉnh. Nâng toàn tỉnh có 42 di tích (15 di tích cấp quốc gia và 27 di tích cấp tỉnh), 05 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia và 01 Bảo vật quốc gia). Phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh, số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên không ngừng tăng cao. Câu lạc bộ thể dục thể thao không ngừng phát triển. Thể thao thành tích cao được đầu tư, nhiều vận động viên tham gia thể thao cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế đạt nhiều giải. Công tác xã hội hóa lĩnh vực thể dục, thể thao ngày càng được chú trọng

+ Hoạt động thông tin, truyền thông phát triển, Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các đài truyền thanh cấp huyện, trạm truyền thanh cấp xã nâng cao chất lượng nội dung, tuyên truyền, kịp thời thông tin, tuyên truyền phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; cổ vũ phong trào thi đua lao động sản xuất, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; phát huy những điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả để nhân rộng.

+ Các cơ quan hành chính nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; 100% cán bộ, công chức được cung cấp hộp thư điện tử công vụ; 100% cơ quan, đơn vị sử dụng phần mềm văn phòng điện tử và được triển khai chứng thư số. Các cơ quan, ban ngành chú trọng hơn đến việc ứng dụng các tiện ích của mạng xã hội để thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cho các tầng lớp Nhân dân.

+ *Công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được tốt hơn*: Mạng lưới y tế các cấp được tăng cường 100% xã, phường thị trấn có trạm y tế và có bác sĩ, 94,33% xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, đảm bảo điều kiện chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân (năm 1992 chỉ có 750 giường bệnh, 137 bác sĩ và 05 dược sĩ đại học đến cuối 2019 đạt 22,26 giường bệnh/vạn dân, đạt 8,31 bác sĩ/vạn dân. Các chương trình mục tiêu y tế, công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện có hiệu quả, ý thức phòng bệnh của Nhân dân được nâng lên. Chính sách dân số, gia đình và trẻ em được triển khai thực hiện đạt kết quả tốt trên nhiều mặt. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 46% năm 1992 xuống còn 5,77% năm 2019. Độ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt gần 96,25% dân số.

+ *Thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, chính sách đối với người có công và bảo trợ xã hội*: Năm 1992, lực lượng lao động của tỉnh khoảng 446.700 người, trong đó có gần 80% số lao động chưa có việc làm

và việc làm không ổn định. Bằng nhiều giải pháp đồng bộ, tăng cường đầu tư cơ sở dạy nghề, số lượng lao động của tỉnh được giải quyết việc làm hàng năm đều tăng, đến năm 2019 có khoảng 65,56% lao động qua đào tạo, cơ bản giải quyết được nhu cầu việc làm cho người dân, đến nay tỷ lệ lao động thất nghiệp ở mức 2,94%.

Công tác đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với nước được toàn xã hội quan tâm. Toàn tỉnh có gần 20.000 liệt sỹ; trên 9.000 thương, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh; 3.327 Bà mẹ Việt Nam anh hùng (160 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống); 3.348 cán bộ hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đày; 1.683 người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị phơi nhiễm chất độc hóa học,... Toàn tỉnh hiện có 65.000 người có công với cách mạng được ghi nhận, tôn vinh, hưởng trợ cấp ưu đãi của Nhà nước và sự chăm lo của các tầng lớp nhân dân. Đã xây dựng mới và bàn giao 18.693 căn nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn; 162 Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng suốt đời.

Công tác giảm nghèo bền vững được chỉ đạo thực hiện quyết liệt: khi tái lập tỉnh, Trà Vinh có gần 20% hộ đói, 40% hộ nghèo. Đến cuối năm 2019, không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 5%, năm 2019 giảm tỷ lệ hộ nghèo 2,62% (vượt chỉ tiêu giao 0,62%), tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 5%; tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,71%. Công tác bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện, giải quyết tốt các chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng và đột xuất cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng; giải quyết tốt chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội định kỳ và đột xuất. Trung tâm và các cơ sở bảo trợ xã hội tiếp nhận và chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung 200 đối tượng là người cao tuổi, neo đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, người khuyết tật...

- *Thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo:* Những năm qua, tỉnh đã triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo, thực hiện có hiệu quả các chính sách của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để các tôn giáo sinh hoạt đúng hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và đúng quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương - giáo được củng cố và phát huy tốt, đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo trong tinh tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư sản xuất, kinh doanh, đóng góp xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục của tỉnh.

- *Quốc phòng - an ninh được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo:* Công tác quốc phòng tiếp tục được tăng cường; an ninh, trật tự được giữ vững, khu vực phòng thủ xã, phường, thị trấn được xây dựng vững chắc. Đấu tranh có hiệu quả đối với thông tin có quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm;

đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ quyền an ninh khu vực biên giới biển gắn với phát triển kinh tế trọng điểm vùng ven biển của tỉnh được đảo bảo. Sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc được tăng cường.

- *Hệ thống chính trị không ngừng được củng cố, kiện toàn*: Hiệu lực, hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Hệ thống tổ chức cơ sở đảng phát triển nhanh, chất lượng, phát huy tốt vai trò hạt nhân chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, giữ được phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống, trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng. Chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Trà Vinh, Hội đồng nhân dân được nâng lên. Bộ máy chính quyền các cấp được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan quản lý nhà nước có tiến bộ. Cải cách hành chính phục vụ tốt hơn cho doanh nghiệp và người dân. Công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng được thực hiện nghiêm túc, chủ động phát hiện xử lý các vụ tiêu cực, tham nhũng, hạn chế hành vi tham nhũng xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Kỷ niệm 45 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2020) cũng là dịp để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tỉnh Trà Vinh ôn lại truyền thống vẻ vang, hào hùng của dân tộc, của Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh; nhận thức ý nghĩa, nguyên nhân, kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn đấu tranh, quá trình phấn đấu xây dựng, phát triển của đất nước, của tỉnh nhà qua từng giai đoạn lịch sử; trân trọng thành quả mà thế hệ cha anh, đồng bào, đồng chí đã dày công xây dựng. Qua đó, nhìn nhận, đánh giá, thấy rõ trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước, quyết tâm phấn đấu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đã đề ra.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY TRÀ VINH